

Bản án số: 26/2019/HS-ST

Ngày 31/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hạnh Thu và ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn H, sinh năm 1997, tại Hải Dương; nơi đăng ký HKTT: Thôn O, xã I, huyện Ia, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K và bà Vũ Thị M; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2019, sau chuyển tạm giam tại trại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1992; trú tại: Thôn A, xã D, huyện T, tỉnh Hải Dương (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1978; trú tại: Thôn D, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Những người làm chứng:** Anh Vũ Văn C, chị Lê Thị L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều 24/3/2019, Phạm Văn H đang đi chơi bằng xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS 34B1-425.55 (xe H mượn của cậu là Vũ Văn Cường) thì có người gọi điện đòi nợ. Do không có tiền trả nợ nên H nảy sinh ý định tìm cửa hàng buôn bán điện thoại nào sơ hở thì vào trộm cắp điện thoại để bán. Khi đi đến thôn A, xã D, huyện T, H nhìn thấy cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Đình C, H dựng xe máy ở trước cửa hàng rồi đi vào bên trong. H bảo anh C (là chủ cửa hàng) lấy cho xem điện thoại iphone, anh C lấy 02 chiếc điện thoại, trong đó có 01 điện thoại iphone 6S Plus màu vàng hồng và 01 điện thoại iphone 7Plus màu đỏ đưa cho H xem. H cầm 02 điện thoại trên tay đứng xem, lúc đó anh C còn có khách hàng mua điện thoại khác nên để cho H tự xem điện thoại và đi đến chỗ khách hàng kia để giới thiệu. H để ý thấy anh C mãi giới thiệu và tư vấn điện thoại cho người khách mua điện thoại kia, không chú ý đến mình, H cầm 02 chiếc điện thoại mà anh C đưa cho nhanh chóng đi ra khỏi quán, lên xe máy đi về khu vực chợ Anh thuộc xã Lê Lợi, huyện G, tỉnh Hải Dương bán cho anh Phạm Văn Thu (là chủ cửa hàng điện thoại) với giá 8.000.000 đồng. Số tiền có được do bán điện thoại, H đã chi tiêu cá nhân hết 750.000 đồng, đồng thời chiều ngày 25/3/2019, H đến ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Dương tại thị trấn G gửi vào tài khoản của mình 4.000.000 đồng thì bị anh C phát hiện. Anh C đã đưa H về trụ sở UBND xã D, huyện T làm việc. Tại đây, Công an huyện T đã thu giữ của H 01 xe máy Honda Dream BKS 34B1-425.55, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Văn H cùng số tiền 3.250.000 đồng. Anh Phạm Văn Thu cũng tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ 01 điện thoại iphone 6S Plus màu vàng hồng và 01 điện thoại iphone 7Plus màu đỏ mà H đã bán cho.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-ĐGTS ngày 29/3/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tứ Kỳ kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone, loại 7Plus vỏ màu đỏ, dung lượng 128GB đã qua sử dụng trị giá 8.000.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone, loại 6Plus vỏ màu vàng hồng, dung lượng 32GB đã qua sử dụng trị giá 3.500.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản định giá là 11.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Đình C 02 chiếc điện thoại mà H đã chiếm đoạt, anh C nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác. Anh Phạm Văn Thu yêu cầu bị cáo phải trả lại anh số tiền 8.000.000 đồng mà anh đã trả cho bị cáo khi mua điện thoại.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại là anh Nguyễn Đình C vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và đề nghị HĐXX xét xử bị cáo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn Thư cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn yêu cầu bị cáo phải trả lại anh số tiền 8.000.000 đồng.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo phạm tội "trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các điều 127, 131 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Phạm Văn H phải trả lại anh Phạm Văn Thư số tiền 8.000.000, được trừ đi số tiền 7.250.000 đồng đã thu giữ, bị cáo còn phải tiếp tục trả anh Thư số tiền 750.000 đồng; về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, tịch thu số tiền 7.250.000 đồng để trả lại anh Phạm Văn Thư; trả lại bị cáo Phạm Văn H 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn H; về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24/3/2019, tại cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Đình C ở thôn A, xã D, huyện T, tỉnh Hải Dương, Phạm Văn H lợi dụng lúc anh C không để ý đã lén lút chiếm đoạt của anh C 02 chiếc điện thoại: 01 điện thoại iphone 7Plus màu đỏ, dung lượng 128GB trị giá 8.000.000 đồng; 01 điện thoại iphone 6S Plus màu vàng hồng, dung lượng 32GB trị giá 3.500.000 đồng và nhanh chóng tẩu thoát. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo H chiếm đoạt là 11.500.000 đồng (mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

[2] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân, không chịu lao động nên đã dùng thủ đoạn gian dối để tiếp cận với tài sản (nói dối anh C là mua điện thoại để anh C lấy điện thoại trong tủ ra đưa cho xem), sau đó lợi dụng lúc chủ tài sản không để ý đã lén lút chiếm đoạt tài

sản. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được là 11.500.000 đồng nên hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và gây ảnh hưởng xấu về trật tự trị an trong địa bàn.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[6] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy mặc dù bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, táo bạo, biểu hiện: bị cáo thực hiện việc phạm tội vào ban ngày, trong tầm quản lý của chủ tài sản, dùng thủ đoạn gian dối để tiếp cận với tài sản, sau đó lợi dụng lúc chủ tài sản không để ý đã lén lút chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát nên cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù tại trại giam mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Đình C, anh C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào. Sau khi trộm cắp 02 chiếc điện thoại của anh C, bị cáo đã bán cho anh Phạm Văn Thư với giá 8.000.000 đồng, anh Thư không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên đã đồng ý mua và trả tiền cho bị cáo. Giao dịch giữa anh Thư và bị cáo vô hiệu do bị lừa dối nên nay anh Thư yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 8.000.000 đồng, do đó căn cứ các điều 127, 131 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo H phải trả lại anh Thư số tiền trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ của H số tiền 3.250.000 đồng là tiền H bán điện thoại cho anh Thư và phong tỏa tài khoản số 0341007180377 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam của H, trong đó có số tiền 4.000.000 đồng H bán điện thoại trộm cắp mà có. Vì vậy, cần chuyển hai khoản tiền trên với tổng số là 7.250.000 đồng trả anh Thư, còn buộc bị cáo phải tiếp tục trả anh Thư số tiền 750.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: 02 chiếc điện thoại là vật chứng của vụ án đã được thu hồi và trả lại cho anh C. Chiếc xe máy mà H dùng để đi trộm cắp tài sản là của anh Vũ Văn Cường, khi cho H mượn xe máy, anh Cường không biết H dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ đã trả lại cho anh Cường là phù hợp.

[10] Số tiền H bán điện thoại cho anh Thư, H đã chi tiêu hết 750.000 đồng, còn lại 4.000.000 đồng gửi vào tài khoản ngân hàng và 3.250.000 đồng Cơ quan điều tra Công an huyện Tứ Kỳ thu giữ. Số tiền này sẽ được trả lại cho anh Thư.

[11] 01 Chứng minh thư nhân dân của bị cáo H đang lưu tại hồ sơ không phải là vật chứng nên cần trả lại cho bị cáo.

[12] Anh Vũ Văn Cường cho bị cáo mượn xe máy nhưng không biết bị cáo dùng để đi trộm cắp tài sản nên không bị xử lý.

[13] Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án này, Điều tra viên, Kiểm sát viên, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 25/3/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 127, 131 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Phạm Văn H phải trả lại anh Phạm Văn Thư, sinh năm 1978, trú tại: Thôn Dôi, xã Lê Lợi, huyện G, tỉnh Hải Dương số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng, được trừ vào số tiền 3.250.000 đồng do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ thu giữ của bị cáo và số tiền 4.000.000 đồng đang có trong tài khoản số 0341007180377 của bị cáo Phạm Văn H tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Bị cáo còn phải tiếp tục trả anh Thư số tiền 750.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, trả lại anh Phạm Văn Thư số tiền 7.250.000 đồng (*trong đó có 3.250.000 đồng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/5/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, số tiền 4.000.000 đồng đang bị phong tỏa tại tài khoản số 0341007180377 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam mang tên chủ tài khoản Phạm Văn H lệnh phong tỏa tài khoản số 01 ngày 02/4/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ*).

Trả lại bị cáo Phạm Văn H 01 chứng minh nhân dân số 231276677 mang tên Phạm Văn H (đã trả tại phiên tòa).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương, VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Cơ quan THA hình sự, Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Sở Tư pháp Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Nhu